

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA-RƯỢU-NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN
SAIGON BEER-ALCOHOL-BEVERAGE
CORPORATION**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence-Freedom-Happiness**

Số/No: **710**/BSG-KTTK
Giải trình BCTC riêng Quý 2 năm 2022
*Explanation of the separate FS
of 2nd quarter of 2022*

Tp. Hồ Chí Minh, ngày **27** tháng 07 năm 2022
*Ho Chi Minh City, July **27** 2022*

Kính gửi/To: - Ủy Ban chứng khoán Nhà Nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*

Tên tổ chức : **Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**
Organization name : Saigon Beer-Alcohol-Beverage Corporation
Mã chứng khoán : **SAB**
Security symbol : SAB
Địa chỉ : **187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, TPHCM**
Address : 187 Nguyen Chi Thanh, Ward 12, District 5, Ho Chi Minh City

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin. Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn giải trình Báo cáo tài chính riêng quý 2 năm 2022 cụ thể như sau:

Pursuant to the Finance Ministry's Circular No. 96/2020/TT-BTC on the disclosure of information. Saigon Beer-Alcohol-Beverage Corporation (SABECO) explained the separate financial statement of the 2nd quarter 2022 as follow:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:
Separate income statement:

(Đơn vị tính: VNĐ)

KHOẢN MỤC/ ITEMS	Quarter 2		Tăng/ Increase, Giảm/ Decrease	Tỷ lệ / Percent
	2022	2021		
A	1	2	3=(1-2)	4=(3/2)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Revenue from sales of goods and provision of services	10,528,627,364,001	8,319,546,297,806	2,209,081,066,195	27%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu/ Revenue deductions	3,480,935,500	2,782,217,081	698,718,419	25%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Net revenue	10,525,146,428,501	8,316,764,080,725	2,208,382,347,776	27%
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp/ Cost of goods sold and services provided	8,758,531,826,896	7,033,096,266,473	1,725,435,560,423	25%
5. Lợi nhuận gộp/ Gross Profit	1,766,614,601,605	1,283,667,814,252	482,946,787,353	38%
6. Doanh thu hoạt động tài chính/ Financial Income	737,828,870,135	858,902,176,926	(121,073,306,791)	-14%
7. Chi phí tài chính/ Financial Expenses	40,324,506,403	(13,640,551,269)	53,965,057,672	-396%
8. Chi phí bán hàng/ Selling expenses	884,578,425,279	1,006,077,693,485	(121,499,268,206)	-12%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp/ General and administration expenses	72,858,980,436	3,888,457,402	68,970,523,034	1774%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/ Net operating profit	1,506,681,559,622	1,146,244,391,560	360,437,168,062	31%
11. Thu nhập khác/ Other income	168,200,340	1,219,947,951	(1,051,747,611)	-86%
12. Chi phí khác/ Other expenses	3,493,076,041	987,720,066	2,505,355,975	254%
13. Kết quả từ các hoạt động khác/ Results of other activities	(3,324,875,701)	232,227,885	(3,557,103,586)	-1532%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế/ Accounting profit before tax	1,503,356,683,921	1,146,476,619,445	356,880,064,476	31%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành/ Income tax expense – current	192,207,606,895	69,355,756,090	122,851,850,805	177%

benefit – deferred 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp/ Net profit after tax	1,299,947,789,640	1,064,954,154,409	234,993,635,231	22%
---	-------------------	-------------------	-----------------	-----

Giải trình:

Explanation:

Doanh thu thuần và LNST đã được cải thiện và cao hơn năm ngoái khi đất nước thoát khỏi tình trạng phong tỏa với việc mở cửa trở lại cho du lịch quốc tế và nhu cầu tiêu dùng phục hồi. Trong khi cùng kỳ năm ngoái bị ảnh hưởng nặng nề bởi làn sóng thứ 4 của đại dịch Covid.

Net sales and PAT have improved and are higher than last year as the country emerged from lockdown with reopening the borders to international tourism and stronger consumer demand. While last year was adversely impacted by the 4th wave of the Covid pandemic.

KHOẢN MỤC/ ITEMS	For the 06 month period ended 30 June		Tăng/ Increase, Giảm/ Decrease	Tỷ lệ / Percent
	2022	2021		
A	1	2	3=(1-2)	4=(3/2)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Revenue from sales of goods and provision of services	19,041,759,662,928	15,556,183,173,438	3,485,576,489,490	22%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu/ Revenue deductions	15,704,218,428	6,239,991,997	9,464,226,431	152%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Net revenue	19,026,055,444,500	15,549,943,181,441	3,476,112,263,059	22%
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp/ Cost of goods sold and services provided	15,956,175,582,778	13,195,142,846,999	2,761,032,735,779	21%
5. Lợi nhuận gộp/ Gross Profit	3,069,879,861,722	2,354,800,334,442	715,079,527,280	30%
6. Doanh thu hoạt động tài chính/ Financial Income	1,368,766,229,869	1,492,477,086,139	(123,710,856,270)	-8%
7. Chi phí tài chính/ Financial Expenses	48,391,450,062	(15,818,404,764)	64,209,854,826	-406%
8. Chi phí bán hàng/ Selling expenses	1,492,097,728,884	1,724,486,791,332	(232,389,062,448)	-13%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp/ General and administration expenses	143,697,232,448	81,116,838,994	62,580,393,454	77%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/ Net operating profit	2,754,459,680,197	2,057,492,195,019	696,967,485,178	34%
11. Thu nhập khác/ Other income	410,686,694	74,631,491,372	(74,220,804,678)	-99%
12. Chi phí khác/ Other expenses	4,289,362,948	1,634,935,115	2,654,427,833	162%
13. Lợi nhuận khác/ Results of other activities	(3,878,676,254)	72,996,556,257	(76,875,232,511)	-105%
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế/ Accounting profit before tax	2,750,581,003,943	2,130,488,751,276	620,092,252,667	29%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành/ Income tax expense – current	330,718,207,042	219,994,569,317	110,723,637,725	50%
16. Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại/ Income tax expense/(benefit) – deferred	39,949,808,525	13,688,879,876	26,260,928,649	192%
17. Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp/ Net profit after tax	2,379,912,988,376	1,896,805,302,083	483,107,686,293	25%

Giải trình:

Explanation:

Trong nửa đầu năm 2022, doanh thu và lợi nhuận đã được cải thiện và cao hơn so với năm ngoái do cả nước thoát khỏi tình trạng đóng cửa cùng với việc thực hiện nhiều chương trình khuyến mãi người tiêu dùng. Công ty đã nâng cao hiệu quả sản xuất và thực hiện các biện pháp tiết kiệm chi phí, giúp giảm thiểu tác động của việc tăng chi phí đầu vào. Trong khi năm ngoái bị ảnh hưởng bất lợi bởi đợt thứ 3 và thứ 4 của đại dịch Covid

In first half of 2022, net sales and profit have improved and are higher than last year as the country emerged from lockdowns and the various consumer promotion programs for the brands. The company had enhanced production efficiency and implemented cost savings measure, that helped to minimize the impact of the higher input costs. While last year was adversely impacted by the 3rd and 4th waves of the Covid pandemic.



Handwritten signature or mark.

Trên đây là giải trình của SABECO báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về sự thay đổi các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính riêng quý 2 năm 2022 của SABECO.

The above explanations are for SABECO report to the State Securities Commission and Ho Chi Minh Stock Exchange about the changes of financial indicators on Sabeco's separate financial statement of the 2nd quarter 2022.

Trân trọng./.

Yours Sincerely./.

Nơi nhận/ Recipients:

- Như trên/ *As above*;
- CTHĐQT / *Chairman*;
- Lưu: VT/ *Save at the Office*.

TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL DIRECTOR

Neo Gum Siong Bennett

